TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2024
" V/v ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông* **Phạm Bá H**
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông* **Trần Quang Ch**
Bà **Dương Thị Thu H**

Thư ký Toà án phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Văn T** - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/DSST - QĐXX ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987

Bị đơn: Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1976

Đều có HKTT: Bích Tràng, Tiền Phong, Ân Thi, Hưng Yên

Người có QLNVLQ: Cháu **Vũ Nguyễn Bảo L**, sinh năm 20210 và cháu **Vũ Nguyễn Bảo N**, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp cho các cháu L, N: Chị H

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Q vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2024 của chị H và các lời khai của chị H, anh Q trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn Q tìm hiểu nhau được khoảng một tháng thì tiến tới hôn nhân, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo như chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong làm ăn kinh tê và nuôi dạy con chung, bản thân anh Q không tu chí làm ăn, không lo toan được kinh tế cho gia đình, do kinh tế gia đình khó khăn nên khoảng năm 2017 chị H sang làm ăn bên Đài Loan, con cái anh Q không chăm lo nên chị H đã phải gửi ông bà ngoại chăm sóc, thời gian đầu vợ chồng thi thoảng có gọi điện hỏi thăm nhưng càng về sau thì không

gọi nữa, tháng 01/2022 sau khi hết hợp đồng lao động chị H về nước nhưng chỉ đến thăm anh em họ hàng chứ không về ở cùng anh Q, vợ chồng có gặp nhau nhưng anh Q không hỏi chỉ H, chị H cảm nhận tình cảm anh Q dành cho chị đã phai nhạt, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa chứ thực tế không còn tình cảm, không còn tình nghĩa gì, vợ chồng cũng không còn sinh hoạt với nhau. Chị H xác định không còn tình cảm, H phúc không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như anh Q trình bày là do hai bên bất đồng quan điểm sống, năm 2017 chị H đi làm ăn ở Đài Loan nhưng anh Q không đồng ý, ngăn cấm nhưng chị H vẫn cố tình đi, trong cuộc sống chị H không quan tâm gì đến anh Q, sau khi được vài năm thì chị H về nước nhưng không về ở cùng anh mà ở cùng các con và ông bà ngoại, bản thân anh Q cũng đã gặp gỡ nói chuyện trực tiếp với chị H nhưng chị H tỏ thái độ thờ ơ, vấn đề sinh hoạt vợ chồng cũng không còn. Quan điểm của anh mong muốn đoàn tụ, trường hợp chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung Vũ Nguyễn N L, sinh năm 2010 và Vũ Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q có quan điểm đề nghị Tòa án hỏi quan điểm, nguyện vọng của các con chung, anh Q tôn trọng quyết định của các con chung. Trường hợp các con chung có nguyện vọng ở với anh thì anh nhất trí và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của các con chung thể hiện: Cháu L, cháu N có nguyện vọng được ở với chị H.

Quan điểm gia đình chị H trình bày: Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Q không H phúc, tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh, chị chênh lệch tuổi nên cách sống, suy nghĩ mỗi người mỗi khác, từ năm 2017 chị H và các con đẻ đã về gia đình sinh sống, chị H đi Đài Loan làm ăn nhưng anh Q cũng rất ít khi đến gia đình để thăm các con, mọi việc cứ kệ cho gia đình tôi lo liệu, tháng 11/2022 chị H hết hợp đồng lao động nhưng chỉ về chào hỏi gia đình anh Q chứ không ở cùng anh Q, gia đình nhìn nhận vợ chồng anh Q, chị H không có H phúc, tình cảm nguội lạnh nên cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q. Vợ chồng anh Q, chị H có 02 con chung tên Vũ Nguyễn N L, sinh năm 2010 và Vũ Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012, gia đình có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên. Vợ chồng anh Q, chị H có những tài sản gì chung, gia đình không biết.

Lời khai của người làm chứng trình bày: Mâu thuẫn giữa anh Q, chị H cụ thể như thế nào thì không nắm được, anh chỉ biết rằng vợ chồng anh Q, chị H không ăn ở cùng nhau từ nhiều năm nay, chị H và các con ở bên ông bà ngoại còn anh Q ở nhà một mình.

Biên bản xác minh với ủy ban nhân dân xã Tiền Phong thể hiện: Anh Q và chị H có đăng ký kết hôn tại địa phương vào năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng anh Q, chị H có mâu thuẫn gì nảy sinh địa phương không nắm được, qua nắm bắt tình hình an ninh trật tự, địa phương nắm được vợ chồng anh Q, chị H không chung sống

cùng nhau từ nhiều năm nay, chị H và các con ở cùng ông bà ngoại ở xã Đa Lộc còn anh Q ở một mình. Vợ chồng anh Q, chị H có 02 con chung tên Vũ Nguyễn N L, sinh năm 2010 và Vũ Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012. Vợ chồng anh Q, chị H có những tài sản gì chung địa phương không biết.

Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H ly hôn anh Q.

Về con chung: Giao cả hai con chung Vũ Nguyễn Bảo L sinh năm 2010 và cháu Vũ Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Vũ Văn Q. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Vũ Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn Bích Tràng, xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị H, anh Q: Chị H, anh Q xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Ân Thi,tỉnh Hưng Yên vào năm 2009, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị H, anh Q là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị H có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của chị H, anh Q cũng như quan điểm trình bày của đại diện gia đình chị H, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng chị H, anh Q không hoà thuận, H phúc, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có sự khác nhau theo cách trình bày của các bên nhưng qua đó cũng chứng tỏ vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nhiều bất đồng mà hai bên không thể tìm được giải pháp gì để tháo gỡ, để hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài, hai bên không còn tình cảm, không còn sự quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng và H phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp với pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Q.

Về con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung tên Vũ Nguyễn N L, sinh năm 2010 và Vũ Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012. Nguyện vọng của anh, chị đều mong muốn được nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, quan điểm của chị H, anh Q là hoàn toàn chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với các con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cũng cần phải xem xét đến điều kiện của từng bên. Ở đây thì anh Q không có công việc, không có thu nhập, sức khỏe yếu trong khi đó chị H có công việc và có thu nhập, mặt khác các con chung đều có nguyện vọng được với chị H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý cũng như tránh sáo trộn cuộc sống, học tập của các con chung nên cần thiết phải giao cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh Q không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc,nuôi dưỡng cháu Vũ Nguyễn Bảo L, sinh năm 2010 và Vũ Nguyễn Bảo N, sinh năm 2012 đến tuổi thành

niên. Anh Q không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000804 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận
- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiền Phong;
- THADS;
;- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá H